

THỰC TRẠNG NĂNG LỰC SỰ PHẠM CỦA ĐỘI NGŨ GIÁO VIÊN TRUNG HỌC CƠ SỞ QUẬN 11, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

NGUYỄN NGỌC LUẬN¹, TRẦN THỊ TÚ ANH²

¹Phòng Giáo dục và Đào tạo Quận 11, TP Hồ Chí Minh

²Trường Đại học Sư phạm, Đại học Huế

Tóm tắt: Năng lực sư phạm (NLSP) đóng vai trò đặc biệt quan trọng, góp phần đảm bảo chất lượng hoạt động nghề nghiệp của giáo viên. Năng lực sư phạm cần được thường xuyên bồi dưỡng trong quá trình hoạt động nghề nghiệp để đáp ứng yêu cầu ngày càng cao và nhiều thay đổi của xã hội và ngành giáo dục. Để có thể tổ chức hoạt động bồi dưỡng NLSP cho giáo viên trung học cơ sở (THCS) một cách hiệu quả, trước hết, cần hiểu rõ thực trạng NLSP của họ. Bài báo trình bày kết quả nghiên cứu thực trạng NLSP của đội ngũ giáo viên các trường THCS Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh. Kết quả cho thấy, một số thành phần của NLSP của giáo viên THCS Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và tình hình thực tiễn hiện nay. Từ kết quả nghiên cứu thực trạng NLSP, bài báo đề xuất các biện pháp quản lý nhằm góp phần nâng cao hiệu quả hoạt động bồi dưỡng NLSP cho đội ngũ giáo viên THCS Quận 11.

Từ khóa: Năng lực sư phạm, giáo viên trung học cơ sở, Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Sinh thời, chủ tịch Hồ Chí Minh đã từng căn dặn thế hệ trẻ “Non sông Việt Nam có trở nên tươi đẹp hay không, dân tộc Việt Nam có bước tới đài vinh quang sánh vai cùng các cường quốc năm châu được hay không, chính là nhờ một phần lớn ở công học tập của các em” (Hồ Chí Minh toàn tập, 1995, tập 4, tr. 33). Đảng và Nhà nước luôn khẳng định giáo dục và đào tạo là quốc sách hàng đầu, là những chính sách trọng tâm, có vai trò chính yếu của Nhà nước, được ưu tiên trước nhất, thậm chí đi trước một bước so với các chính sách phát triển kinh tế - xã hội khác. Nhiệm vụ và giải pháp của Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 4 tháng 11 năm 2013 của Ban chấp hành Trung ương về đổi mới căn bản toàn diện giáo dục và đào tạo đã nêu rõ: “*Phát triển đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục và đào tạo, xây dựng quy hoạch, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục gắn với nhu cầu phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm an ninh, quốc phòng và hội nhập quốc tế. Thực hiện chuẩn hóa đội ngũ nhà giáo theo từng cấp học và trình độ đào tạo. Tiến tới tất cả các GV tiểu học, THCS, GV, giảng viên các cơ sở giáo dục nghề nghiệp phải có trình độ từ đại học trở lên, có năng lực sư phạm*” [4]. Với mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, bồi dưỡng nhân tài cho đất nước, trong những năm qua, giáo dục và đào tạo đã có nhiều cố gắng và đạt được những thành tựu rất quan trọng về nhiều mặt, trong đó chất lượng giáo dục có những chuyển biến tích cực. Những chuyển biến đó là do ngành giáo dục và đào

tạo đã tập trung đổi mới nội dung, phương pháp, xây dựng và từng bước nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục.

Năng lực được định nghĩa là tổ hợp các thuộc tính độc đáo của cá nhân phù hợp với những yêu cầu của một hoạt động nhất định, đảm bảo cho hoạt động đó có kết quả tốt. Năng lực vừa là tiền đề, điều kiện cho hoạt động đạt kết quả, vừa là kết quả của hoạt động, được phát triển ngay trong hoạt động ấy. Năng lực sư phạm là sự tổng hợp những kiến thức, kỹ năng, thái độ tạo nên khả năng thực hiện hoạt động dạy học và giáo dục đạt kết quả và đáp ứng yêu cầu của Chuẩn nghề nghiệp giáo viên phổ thông. Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về quy định Chuẩn nghề nghiệp GV phổ thông yêu cầu bên cạnh phẩm chất nhà giáo, giáo viên cần có năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; năng lực xây dựng môi trường giáo dục; năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; và năng lực sử dụng ngoại ngữ hoặc tiếng dân tộc, ứng dụng công nghệ thông tin, khai thác và sử dụng thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục [2].

NLSP của giáo viên được hình thành từ những trải nghiệm cá nhân trước khi vào trường sư phạm, thông qua chương trình đào tạo giáo viên trong trường sư phạm và qua bồi dưỡng và tự bồi dưỡng trong thời gian hoạt động nghề nghiệp với tư cách là giáo viên. Trong đó, bồi dưỡng và tự bồi dưỡng NLSP là quá trình thường xuyên, liên tục, dựa trên mức độ phát triển năng lực của giáo viên. Chính vì vậy, cần tìm hiểu mức độ phát triển NLSP của giáo viên, từ đó, định hướng hoạt động bồi dưỡng và tự bồi dưỡng NLSP. Đã có nhiều công trình nghiên cứu về NLSP và bồi dưỡng NLSP cho giáo viên phổ thông [2], [5], [6], tuy nhiên, chưa có nghiên cứu về thực trạng NLSP của giáo viên các trường THCS trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì vậy, chúng tôi nghiên cứu thực trạng NLSP của giáo viên các trường THCS Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, nhằm thu thập những cơ sở thực tiễn cần thiết để đề xuất các biện pháp nhằm định hướng và nâng cao chất lượng hoạt động bồi dưỡng NLSP cho giáo viên THCS trên địa bàn nghiên cứu.

2. KHÁCH THỂ VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Khách thể nghiên cứu: Nghiên cứu được thực hiện với 95 giáo viên và 30 CBQL ở 9 trường THCS Quận 11, bao gồm Trường THCS Lê Anh Xuân, Trường THCS Nguyễn Văn Phú, Trường THCS Lê Quý Đôn, Trường THCS Nguyễn Huệ, Trường THCS Nguyễn Minh Hoàng, Trường THCS Chu Văn An, Trường THCS Phú Thọ, Trường THCS Lữ Gia, Trường THCS Hậu Giang.

Phương pháp nghiên cứu: Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra bằng bảng hỏi để thu thập ý kiến của CBQL và giáo viên. Phiếu điều tra bao gồm nhiều nội dung liên quan đến thực trạng hoạt động bồi dưỡng và quản lý hoạt động bồi dưỡng NLSP cho giáo viên THCS. Tuy nhiên, trong bài báo này, chúng tôi chỉ sử dụng kết quả thu được từ các câu hỏi liên quan đến thực trạng NLSP. Các câu hỏi được thiết kế trên thang Likert 4 mức độ, tương ứng với 4 mức độ quan trọng của NLSP, đó là: 1: Không quan trọng; 2: Ít quan trọng; 3: Khá quan trọng; 4: Rất quan trọng; và 4 mức độ phát triển

năng lực, đó là: 1: Yếu; 2: Trung bình; 3: Khá; 4: Tốt. CBQL và giáo viên được yêu cầu chọn mức độ phù hợp nhất với bản thân. Dữ liệu từ phiếu điều tra được xử lý bằng phần mềm SPSS. Ngoài ra, chúng tôi cũng sử dụng phương pháp phỏng vấn với CBQL và giáo viên để thu thập thêm thông tin bổ sung cho nghiên cứu.

3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Trong nghiên cứu này, chúng tôi tập trung vào nhận thức về tầm quan trọng của NLSP đối với giáo viên THCS và mức độ phát triển của các nhóm NLSP sau: Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ; Năng lực xây dựng môi trường giáo dục; Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội; Năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phương tiện.

3.1. Nhận thức về tầm quan trọng của năng lực sư phạm

Nhận thức là kim chỉ nam cho hành động. Việc nhận thức được tầm quan trọng của năng lực sư phạm đối với giáo viên sẽ thúc đẩy giáo viên bồi dưỡng nâng cao năng lực của bản thân. Tương tự, CBQL nếu nhận thức được tầm quan trọng của năng lực sư phạm thì sẽ tạo điều kiện thuận lợi để giáo viên bồi dưỡng nâng cao năng lực của họ. Chính vì vậy, chúng tôi đã khảo sát thực trạng nhận thức của CBQL và giáo viên về tầm quan trọng của năng lực sư phạm và kết quả được trình bày trong Bảng 1 sau.

Bảng 1. Nhận thức của CBQL và giáo viên về tầm quan trọng của các năng lực sư phạm

TT	Năng lực	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực dạy học	3,42	0,86
2	Năng lực giáo dục	3,21	0,65
3	Năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh	2,96	0,87
4	Năng lực phát triển nghề nghiệp	3,32	0,65
5	Năng lực xây dựng môi trường giáo dục	3,03	0,80
6	Năng lực phát triển mối quan hệ gia đình, nhà trường, xã hội	2,98	0,82
7	Năng lực ngoại ngữ	3,39	0,57
8	Năng lực sử dụng công nghệ thông tin, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	3,75	0,54

Ghi chú: ĐTB: Điểm trung bình; ĐLC: Độ lệch chuẩn; $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Kết quả ở Bảng 1 cho thấy, CBQL và giáo viên tại địa bàn khảo sát đã nhận thức được tầm quan trọng của những NLSP, với ĐTB $\geq 2,96$, từ gần mức *Khá quan trọng* đến *Rất quan trọng*. Trong đó, tầm quan trọng của Năng lực sử dụng CNTT, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục được đánh giá cao nhất. Điều này phù hợp với điều kiện thực tế của các trường ở Thành phố Hồ Chí Minh, đó là, đã quan tâm đầu tư thiết bị công nghệ, máy tính và đưa ra yêu cầu ứng dụng CNTT để đổi mới phương pháp dạy học. Bên cạnh việc nhận thức được vai trò của năng lực dạy học, năng lực giáo dục, những năng lực có tính “truyền thống” đối với giáo viên, các khách thể khảo sát đã đề cao vai trò của năng

lực ngoại ngữ. Đây cũng là một đặc điểm khá đặc biệt của đội ngũ CBQL, giáo viên của Thành phố Hồ Chí Minh, để phù hợp với sự phát triển về kinh tế, xã hội của Thành phố trong thời đại công nghệ 4.0 và xu thế hội nhập. Để tiếp cận những tri thức khoa học và công nghệ tiên tiến do sự phát triển của công nghệ 4.0 mang lại, con người không thể không thông thạo ngoại ngữ.

Năng lực phát triển nghề nghiệp cũng được đánh giá có vai trò quan trọng ở mức cao. Đây là một điểm có ý nghĩa lớn đối với công tác bồi dưỡng nâng cao năng lực sự phạm của giáo viên THCS Quận 11, Thành phố HCM. Một khi bản thân CBQL, giáo viên thấy cần phải phát triển nghề nghiệp thì họ sẽ tích cực tham gia các hoạt động bồi dưỡng mà Quận, trường tổ chức, cũng như tự bồi dưỡng năng lực nghề nghiệp cho bản thân.

Mặc dù vẫn được nhận thức là quan trọng, nhưng năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh và năng lực phát triển mối quan hệ giữa gia đình, nhà trường và xã hội được đánh giá ở mức thấp hơn. Qua trao đổi với giáo viên, chúng tôi thấy một số giáo viên chưa nhận thức rằng tư vấn, hỗ trợ học sinh là nhiệm vụ của mỗi giáo viên chứ không chỉ là của những người chuyên về hoạt động tư vấn, tham vấn tâm lý.

3.2. Mức độ phát triển của nhóm năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ

Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ là nhóm năng lực chủ đạo của nghề sư phạm, giúp người giáo viên hoàn thành hai nhiệm vụ chủ yếu nhất đó là dạy học và giáo dục. Để có thể xây dựng nội dung hoạt động bồi dưỡng NLSP cho giáo viên THCS trên địa bàn Quận 11 có hiệu quả, cần hiểu rõ thực trạng năng lực hiện tại của họ. Chính vì vậy, chúng tôi đã tìm hiểu thực trạng năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của giáo viên THCS của các trường trên địa bàn và thu được kết quả như ở Bảng 2.

Bảng 2. Nhóm năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ của GV

TT	Năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực xây dựng kế hoạch dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,15	0,43
2	Năng lực sử dụng phương pháp dạy học theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,02	0,58
3	Năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,22	0,56
4	Năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	2,84	0,72
5	Năng lực sử dụng phương pháp giáo dục theo hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh	3,08	0,84
6	Năng lực đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh	2,71	0,51
7	Năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh	2,37	0,80
8	Năng lực phát triển nghề nghiệp (chuyên môn, nghiệp vụ) cho bản thân	2,44	0,56
		2,73	0,27

Ghi chú: $1 \leq \text{ĐTB} \leq 4$

Bảng 2 cho thấy các năng lực “truyền thống” như năng lực kiểm tra, đánh giá kết quả học tập của học sinh, năng lực xây dựng kế hoạch dạy học, năng lực sử dụng phương pháp giáo dục; năng lực sử dụng phương pháp dạy học của giáo viên được đánh giá ở mức *Khá tốt*, với ĐTB từ 3,02 đến 3,22. Đây là những năng lực thường được các cơ sở đào tạo giáo viên chú trọng trong chương trình của mình. Ngược lại, năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh và năng lực phát triển nghề nghiệp (chuyên môn, nghiệp vụ) cho bản thân lại được đánh giá ở mức *Trung bình* (có ĐTB tương ứng là 2,37 và 2,44). Đây là những năng lực có thể gọi là “mới”, chưa được nhiều cơ sở đào tạo giáo viên cập nhật, thêm vào đó, dù đã cập nhật rồi thì các giáo viên có thâm niên cũng không được tiếp cận. Chính vì vậy, các chương trình bồi dưỡng giáo viên cần quan tâm phát triển các năng lực này, đặc biệt là cho các giáo viên có nhiều thâm niên nghề sư phạm bởi họ đã hoàn thành chương trình đào tạo giáo viên cách nay nhiều năm.

Điều cần lưu ý nữa là năng lực đánh giá kết quả rèn luyện đạo đức của học sinh và năng lực xây dựng kế hoạch giáo dục chỉ được đánh giá ở mức *Trung bình Khá* dù đây là những năng lực được chú trọng trong các chương trình đào tạo giáo viên từ trước đến nay. Các chương trình bồi dưỡng giáo viên cần bù đắp những thiếu hụt và nâng cao hai năng lực này cho giáo viên THCS.

3.3. Mức độ phát triển của nhóm năng lực xây dựng môi trường giáo dục

Xây dựng môi trường giáo dục nhằm tạo ra bầu không khí dân chủ, công bằng, mối quan hệ cởi mở và thân tình, từ đó, giúp học sinh an tâm, tin tưởng và phát huy mọi năng lực của bản thân. Vì vậy, chúng tôi đã nghiên cứu thực trạng năng lực xây dựng môi trường giáo dục của giáo viên THCS và kết quả được thể hiện trong Bảng 3.

Bảng 3. Năng lực xây dựng môi trường giáo dục

TT	Năng lực xây dựng môi trường giáo dục	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực xây dựng văn hóa nhà trường lành mạnh	2,85	0,69
2	Năng lực xây dựng môi trường học tập tích cực	2,88	0,74
3	Năng lực thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường	3,31	0,53
4	Năng lực thực hiện và xây dựng trường học an toàn, phòng chống bạo lực học đường	2,84	0,55
		2,97	0,21

Đây là nhóm năng lực có mức phát triển cao nhất trong 4 nhóm được khảo sát, với ĐTB chung là 2,97. Trong nhóm năng lực này, năng lực thực hiện quyền dân chủ trong nhà trường được đánh giá có mức phát triển tốt nhất, với ĐTB = 3,31. Thực trạng này có thể có mối liên hệ với sự thông thoáng, cởi mở trong chính sách và bầu không khí dân chủ ở các cơ quan trên địa bàn TPHCM nói chung và ở các trường THCS trên địa bàn Quận 11 nói riêng. Tuy nhiên, các trường THCS Quận 11 cũng cần quan tâm hơn đến việc nâng cao năng lực xây dựng môi trường văn hóa nhà trường, môi trường học tập tích cực, xây dựng nhà trường an toàn, phòng chống bạo lực học đường.

3.4. Mức độ phát triển của nhóm năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

Nhà trường, gia đình và xã hội là 3 lực lượng giáo dục. Mỗi lực lượng đóng vai trò khác nhau, dựa trên đặc điểm đặc thù của mình, nhưng cùng hướng đến một mục tiêu chung là hình thành và phát triển nhân cách của thế hệ trẻ, chuẩn bị cho cuộc sống tương lai. Chính vì vậy, cần xây dựng và phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, trong đó, nhà trường, mà cụ thể là các giáo viên đóng vai trò nòng cốt, chủ động thực hiện. Giáo viên THCS cần có năng lực để thực hiện tốt nhiệm vụ này. Chúng tôi đã khảo sát năng lực phát triển mối quan hệ giữa các lực lượng giáo dục và kết quả thu được thể hiện trong Bảng 4.

Bảng 4. Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội

TT	Năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực tạo dựng mối quan hệ hợp tác với cha mẹ học sinh và các bên liên quan	2,63	0,64
2	Năng lực phối hợp giữa nhà trường, gia đình, xã hội để thực hiện hoạt động dạy học cho học sinh	2,32	0,47
		2,47	0,49

Cả 2 năng lực trong nhóm này chỉ được đánh giá ở mức *Trung bình khá*. Nhà trường, gia đình và xã hội là 3 lực lượng giáo dục có mối liên hệ chặt chẽ, phối hợp với nhau để cùng đạt mục tiêu giáo dục. Ở lứa tuổi THCS, do những thay đổi phức tạp về tâm sinh lý, xã hội nên học sinh THCS càng cần nhận được sự quan tâm từ cả 3 lực lượng giáo dục. Sự hạn chế trong năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng hoạt động giáo dục học sinh THCS. Quản lý các trường THCS Quận 11 cần quan tâm đến vấn đề này.

3.5. Mức độ phát triển của nhóm năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phương tiện

Bảng 5. Năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, thiết bị

TT	Năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, thiết bị	ĐTB	ĐLC
1	Năng lực sử dụng ngoại ngữ	2,39	1,05
2	Năng lực ứng dụng công nghệ thông tin, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục	3,31	0,85
		2,85	0,41

Trong thời đại công nghệ 4.0, trong một thế giới phẳng, năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, thiết bị công nghệ là yêu cầu tiên quyết với giáo viên. Năng lực sử dụng ngoại ngữ và công nghệ thông tin giúp giáo viên nâng cao chất lượng hoạt động nghề nghiệp thông qua việc cập nhật kiến thức, kỹ năng, ứng dụng công nghệ thông tin vào dạy học. Đồng thời, ngoại ngữ và công nghệ thông tin hữu ích trong hoạt động bồi

đường NLSP cho đội ngũ giáo viên THCS. Chính vì vậy, chúng tôi đã khảo sát thực trạng năng lực sử dụng ngoại ngữ, công nghệ thông tin, phương tiện của giáo viên THCS và kết quả được thể hiện ở Bảng 5.

Trong nhóm này, năng lực ứng dụng CNTT, thiết bị công nghệ trong dạy học, giáo dục được đánh giá ở mức *Khá tốt*. Nhu cầu của bản thân giáo viên và yêu cầu của các trường trong việc ứng dụng CNTT trong dạy học cùng với điều kiện kinh tế xã hội phát triển của Thành phố Hồ Chí Minh là những yếu tố góp phần cho sự phát triển của năng lực này.

Ngược lại, năng lực sử dụng ngoại ngữ của giáo viên THCS Quận 11 lại được đánh giá ở mức *Trung bình*, với ĐTB = 2,39. Đây là thực trạng chung của đội ngũ giáo viên trên cả nước, và dù là thành phố đầu tàu trong phát triển kinh tế, xã hội thì Thành phố HCM cũng không ngoại lệ. Trong bối cảnh toàn cầu hóa, giao lưu quốc tế như hiện nay, quản lý các trường và giáo viên THCS cần quan tâm nhiều hơn đến việc nâng cao năng lực ngoại ngữ.

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu thực trạng cho thấy giáo viên THCS trên địa bàn Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh đã nhận thức được tầm quan trọng của NSLP đối với bản thân. Mức độ phát triển của các nhóm NLSP thành phần được đánh giá từ *Trung bình* đến *Khá tốt*. Trong đó, nhóm năng lực xây dựng môi trường giáo dục có mức phát triển cao nhất, nhóm năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội có mức phát triển thấp nhất. Trong mỗi nhóm NLSP, có những năng lực thành phần có mức độ phát triển khá tốt, bên cạnh đó, có những năng lực thành phần cần được quan tâm bồi dưỡng. Từ kết quả thực trạng NLSP của giáo viên THCS ở Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh, nghiên cứu đề xuất một số vấn đề sau:

(1) Các nhà quản lý giáo dục, trong đó đặc biệt là Hiệu trưởng các trường THCS, cần quan tâm nâng cao nhận thức của CBQL và giáo viên về tầm quan trọng của một số thành phần của NLSP. Trong đó, cần nhấn mạnh vai trò của năng lực tư vấn, hỗ trợ học sinh và năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội, bởi đây là những năng lực đặc biệt cần thiết để đáp ứng nhu cầu của học sinh trong xã hội thay đổi nhanh chóng và ở lứa tuổi dậy thì với nhiều thách thức, khó khăn. Các buổi nói chuyện chuyên đề, các khóa bồi dưỡng năng lực cho giáo viên cần quan tâm đến nội dung này.

(2) Các chương trình bồi dưỡng nâng cao NLSP cho giáo viên cần quan tâm phát triển năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh và năng lực phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho bản thân giáo viên. Cần tạo điều kiện và khuyến khích các CBQL và giáo viên trong thành phần của Tổ Tư vấn Tâm lý theo Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về Hướng dẫn hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường trung học phổ thông [1] tham gia các khóa tập huấn nâng cao năng lực tư vấn và hỗ trợ học sinh. Bên cạnh đó, cần quan tâm phát triển các kỹ năng học tập, phát triển chuyên môn, nghiệp vụ cho toàn bộ giáo viên.

(3) Các cơ sở đào tạo giáo viên, CBQL các trường THCS cần quan tâm nhiều hơn đến nâng cao năng lực phát triển mối quan hệ giữa nhà trường, gia đình và xã hội. Hiện nay, chương trình đào tạo giáo viên của nhiều trường sư phạm đã giảm thiểu số lượng các tín chỉ của các môn Tâm lý học, Giáo dục học. Bên cạnh đó, các môn học này vẫn còn nặng về lý thuyết, ít thực hành nên sinh viên sư phạm khi ra trường có năng lực phát triển mối quan hệ giữa 3 lực lượng giáo dục còn ở mức hạn chế. Trong khi đó, giáo viên đương nhiệm ở một thành phố rộng lớn và phát triển như Thành phố Hồ Chí Minh, thường ít có cơ hội để phát triển năng lực này. Chính vì vậy, các trường cần, một mặt, xác định yêu cầu, nhiệm vụ để giáo viên chủ động thiết lập và duy trì mối quan hệ với gia đình và xã hội trong quá trình giáo dục học sinh. Mặt khác, đưa năng lực này vào trong nội dung bồi dưỡng thường xuyên của giáo viên THCS, giúp họ cập nhật kiến thức về đặc điểm của gia đình, xã hội trong thời đại ngày nay, và phát triển kỹ năng xây dựng và duy trì mối quan hệ với gia đình và xã hội nhằm thực hiện tốt mục tiêu giáo dục.

(4) Các trường THCS tại Quận 11, Thành phố Hồ Chí Minh cần có biện pháp phù hợp để khuyến khích, tạo điều kiện và thúc đẩy giáo viên của mình nâng cao năng lực ngoại ngữ của bản thân. Trong đó, chú trọng việc động viên giáo viên tự học, tự bồi dưỡng khả năng ngoại ngữ của mình bởi việc phát triển năng lực ngoại ngữ đòi hỏi thời gian dài và thực hành thường xuyên, không phù hợp với các khóa tập huấn ngắn hạn. Bên cạnh đó, cần có biện pháp kiểm tra, đánh giá hoạt động tự học, tự bồi dưỡng năng lực ngoại ngữ của giáo viên, tránh tình trạng giáo viên có chứng chỉ ngoại ngữ nhưng trong thực tế không thể sử dụng ngoại ngữ vào giao tiếp và cập nhật kiến thức.

Tóm lại, do vai trò rất quan trọng, góp phần đảm bảo chất lượng hoạt động nghề nghiệp của người giáo viên, NLSP cần được quan tâm bồi dưỡng, phát triển trong quá trình giáo viên hành nghề. Việc đánh giá đúng thực trạng nhận thức về vai trò và mức độ phát triển hiện tại của NLSP của giáo viên sẽ cung cấp cơ sở thực tiễn cần thiết để định hướng và xây dựng nội dung, chương trình hoạt động bồi dưỡng NLSP đáp ứng yêu cầu về chuẩn của người giáo viên trung học phổ thông và nhu cầu thực tế của giáo viên THCS trên địa bàn nghiên cứu.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18 tháng 12 năm 2017 về Hướng dẫn hoạt động tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường trung học phổ thông.*
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2018). *Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22 tháng 8 năm 2018 ban hành quy định Chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông, Hà Nội.*
- [3] Trần Công Dương (2007). Năng lực sư phạm và một số biện pháp bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giáo viên toán THCS, *Tạp chí Giáo dục*, số 169 (kỳ 1-8/2007).

- [4] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Nghị quyết về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*. Nghị quyết số 29/2013/NQ-TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, Hà Nội.
- [5] Nguyễn Thị Thanh Huyền, Trần Việt Cường (2009). Năng lực sư phạm của người giáo viên, *Tạp chí Giáo dục*, số 211, (kỳ 1-2009).
- [6] Nguyễn Đức Thạch (2017). Nguyên tắc và biện pháp quản lý hoạt động bồi dưỡng năng lực sư phạm cho giảng viên các trường cao đẳng công an nhân dân, *Tạp chí Giáo dục*, số 417, ngày 7 tháng 11 năm 2017.

Title: THE STATUS OF PEDAGOGICAL COMPETENCES OF JUNIOR HIGH SCHOOL TEACHERS IN DISTRICT No. 11, HO CHI MINH CITY

Abstract: Pedagogical competencies play an essential role in the quality of the teacher's professional activities. Pedagogical competences need to be frequently fostered to meet the increasing requests and changes in the society and the educational system. To organise training courses effectively to improve pedagogical competences of Junior High School (JHS) teachers, it is necessary to understand the status of their pedagogical competences. This paper presents the findings of the status of pedagogical competences of JHS teachers in District No. 11, Ho Chi Minh City. The results showed that pedagogical competences of JHS teachers of District No. 11 in Ho Chi Minh City were limited and unable to meet the requirements of educational renovation and the current situation. Based on the results of this research, this paper proposed some suggestions to improve the efficiency of activities to foster pedagogical competences of JHS teachers at District No. 11 in Ho Chi Minh City.

Keywords: Pedagogical competence, Junior High School teachers, District No 11, Ho Chi Minh City.